

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HOÀ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 17/02/2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Thành Dũng

2. Ông Lê Quốc Trinh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1991;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hải H, sinh năm 1993;

Đều có địa chỉ: Khu X, xã Đ, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ.

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Mạnh T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Hải H kết hôn ngày 08 tháng 8 năm 2012 hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã Đ, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh và đều làm lao động tự do tại Khu X, xã Đ, huyện Hạ Hoà. Quá trình chung sống của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 4 năm 2024 thì phát ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, do đó thường xuyên

xảy ra cãi vã, không thể hàn gắn được. Đến cuối tháng 4/2024 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở về đoàn tụ với nhau được nữa, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng 02 con chung là cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 01/01/2014 và cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 12/11/2020. Hiện cả hai cháu đang ở với anh. Hiện nay chị H vắng mặt, nên sau ly hôn anh đề nghị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và thông báo nhiều lần chị Nguyễn Thị Hải H đến trụ sở Tòa án để giải quyết việc anh T khởi kiện xin ly hôn, nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án gửi giấy triệu tập và các thông báo hợp lệ cho chị H và đã được bà Lương Thị M -mẹ đẻ chị H nhận thay, bà M xác nhận đã nhận được các văn bản của tòa án gửi cho chị H, bà đã thông báo và giao các văn bản cho chị H, chị H biết việc anh T có đơn xin ly hôn và đang được Tòa án giải quyết. Bà M cho biết anh T và chị H có phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4 năm 2024, nguyên nhân do chị H nói lại là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Sau đó chị H đã về nhà bà ở xong chị H cũng đi làm công ty ở tỉnh Hải Dương, thỉnh thoảng mới về nhà nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình. Do chị H thường xuyên đi làm ăn xa nên không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với anh T được, chị H có nói lại chị cũng xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn được, chị cũng đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của anh T.

Trong quá trình làm việc được UBND xã Đ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ cho biết anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Thị Hải H là công dân Khu X xã Đ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ đã kết hôn với nhau năm 2012. Sau khi kết hôn anh, chị về chung sống với nhau cùng gia đình anh T và đều làm lao động tự do. Vừa qua địa phương có biết việc anh T có đơn xin ly hôn chị H và đang được Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa giải quyết. Địa phương được biết vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương cũng không nắm bắt được, đến tháng 5 năm 2024 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống sau đó đã đi làm ăn, còn anh T vẫn ở tại địa phương. Về con chung: Anh T, chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 01/01/2014 và cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 12/11/2020. Hiện cả hai cháu đang ở với anh T. Do anh T và chị H có mâu thuẫn và có đơn xin ly hôn nhau, nên địa phương có quan điểm đề nghị

Tòa án căn cứ quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của vợ chồng giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu được học tập và phát triển bình thường.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hoà có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

* Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 - BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 72 - BLTTDS.

* Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 338 - Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Nguyễn Mạnh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hải H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh Nguyễn Mạnh T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 01/01/2014 và cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 12/11/2020, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh T không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết do các bên không yêu cầu.

Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Thị Hải H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Các đương sự đều có nơi cư trú tại xã Đ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Thị Hải H đến Tòa án để làm việc, tham gia các

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thủ tục chung của pháp luật, anh T đều có mặt, còn chị H vắng mặt không có lý do mặc dù các văn bản của Tòa án do mẹ đẻ là bà Lương Thị M nhận thay, đã thông báo và giao lại cho chị H. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 02/01/2025 Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 17/01/2025, quyết định này đã được giao, gửi cho các đương sự, đến ngày xét xử anh T có mặt, còn chị H vắng mặt không có lý do. HĐXX Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa căn cứ vào khoản 1 Điều 227 - BLTTDS ra quyết định hoãn phiên tòa theo quy định chung của pháp luật và ấn định ngày xét xử trong Quyết định hoãn phiên tòa đồng thời tiến hành giao và gửi quyết định hoãn phiên tòa theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Thị Hải H kết hôn ngày 08 tháng 8 năm 2012 là hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã Đ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ ký kết hôn. Đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 4 năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh T cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không thể hàn gắn được. Đến cuối tháng 4/2024 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm gì đến ai nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Xét lời trình bày của anh T là có căn cứ chấp nhận, vì anh T và chị H đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án chị H không có mặt tại Tòa án để tham gia các phiên họp, phiên hòa giải để bày tỏ quan điểm của mình, mặc dù chị H có biết việc anh T đang xin ly hôn và đang được Tòa án huyện Hạ Hòa giải quyết được bà Lương Thị M xác nhận đã nhận được toàn bộ các văn bản của tòa án, bà đã thông báo và giao lại cho chị H, do chị H thường xuyên đi làm ăn xa nên không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với anh T được, chị H có nói lại chị H cũng xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn được, chị cũng đồng ý ly hôn với anh T điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần xử cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 01/01/2014 và cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 12/11/2020. Hiện cả hai cháu đang ở với anh T, nguyện vọng của cháu Nguyễn Anh D xin được ở với bố. Quá trình giải quyết vụ án anh T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H đều không có mặt để bày tỏ quan điểm của mình về nuôi dưỡng con chung, do chị H vắng mặt, nên cần giao cả hai cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh T không yêu cầu là phù hợp quy định của pháp luật. Sau ly hôn chị H có mặt có yêu cầu thì tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[4] Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp:

Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết gì. Hội đồng xét xử thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa làm việc được với chị H về các mối quan hệ này, nên không đặt ra giải quyết trong vụ án. Sau ly hôn chị H có mặt, các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 338 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Mạnh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hải H.

[2]. Về con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Mạnh T được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 01/01/2014 và cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 12/11/2020 kể từ tháng 02/2025 cho đến khi các cháu thành niên. Chị Nguyễn Thị Hải H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh T không yêu cầu.

Anh T và chị H đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa theo biên lai thu tiền số 0003092 ngày 10/10/2024 (Xác nhận anh T đã nộp đủ).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày giao, nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi các đương sự cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND xã Đ;
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hưng Thuỷ